

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2021/DS-PT

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Văn Quán

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nguyệt M, sinh năm 1952.

Cư trú tại: Số 1/53 Ô1, Khu phố Cầu X, thị trấn Thủ T, huyện Thủ T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Số 2/4A Ô2, Khu phố Cầu X, thị trấn Thủ T, huyện Thủ T, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bị đơn là bà Lê Thị Ngọc C

(Bà M và bà C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Nguyệt M trình bày:

Bà làm chủ hội có mở dây hội 2.000.000 đồng/tháng, hội khai tháng đầu tiên là ngày 10/4/2019. Bà Lê Thị Ngọc C có tham gia 01 phần hội, trong danh sách chơi hội bà C tên là Châu túi sách. Bà C đóng được 02 phần sống thì đến tháng thứ 3 của dây hội bà C hốt hội được 24.450.000 đồng. Sau đó bà C đóng hội chết từ tháng 7/2019 đến tháng 11/2019, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng. Đến tháng 12/2019 bà C đóng 500.000 đồng thiếu lại 1.500.000 đồng, tháng 01/2020 đóng 1.000.000 đồng thiếu lại 1.000.000 đồng, tháng 02/2020 đóng 500.000 đồng thiếu 1.500.000 đồng, tháng 3/2020 đóng 700.000 đồng thiếu 1.300.000 đồng, tháng 4/2020 đóng 300.000 đồng thiếu 1.700.000 đồng, từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020 bà C không đóng tiền hội nữa. Do bà C không đóng hội đầy đủ nên bà phải đóng choàng hội cho bà C để có tiền giao hội cho những người khác. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc C trả cho bà số tiền hội còn thiếu là 13.000.000 đồng.

** Bị đơn là bà Lê Thị Ngọc C trình bày:*

Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý cho bà C biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng góp hội theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt M. Nhưng bà C không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc C trình bày bà có tham gia dây hội 2.000.000 đồng do bà M làm chủ hội, hội khai tháng đầu tiên ngày 10/4/2019, bà đóng được 02 tháng hội sống thì đến tháng thứ 3 của dây hội thì bà hốt hội, hốt được hai mươi mấy triệu, chính xác bao nhiêu không nhớ rõ, bà có nhận tiền hốt hội do bà M giao. Tuy nhiên, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M lý do bà đã đóng tiền hội đầy đủ, đóng tiền không có biên bản giao nhận.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 03/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; 207; Các Điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ hội biểu phượng; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt M tranh chấp hợp đồng góp hội đối với bà Lê Thị Ngọc C.

Buộc bà Lê Thị Ngọc C trả cho bà Trần Thị Nguyệt M số tiền hội còn nợ là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: bà Lê Thị Ngọc C phải chịu 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Nguyệt M không phải chịu án phí. Bà M không có nộp tiền tạm ứng án phí do bà M thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí cho nên không thực hiện hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 03/3/2021, bị đơn là bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể: Bà C không đồng ý trả cho bà Trần Thị Nguyệt M 13.000.000 đồng tiền nợ hui.

Nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Hai bên đương sự thống nhất có việc chơi hui, hui 16 phần, bà C tham gia 1 phần, đến phần thứ 3 thì bà C hót hui. Hai bên không thống nhất: Bà C cho rằng sau khi hót hui thì bà đóng hui đầy đủ, còn bà M thì cho rằng bà C đóng không đầy đủ, tổng số tiền hui chết bà M đã choàng cho bà C là 13.000.000đ. Xét thấy bà C thừa nhận có chơi hui và hót hui, bà C cho rằng đã đóng hui đầy đủ nhưng không cung cấp giấy tờ gì chứng minh về việc đóng hui. Bà M cung cấp một số nhân chứng xác nhận trong quá trình chơi hui có nghe bà M nói bà C đóng không đủ tiền hui. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu bà C trả tiền nợ hui là có căn cứ thuyết phục hơn. Bà C kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho việc mình đã đóng hui đầy đủ.

Từ ý kiến và quan điểm trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo không đồng ý trả cho bà Trần Thị Nguyệt M 13.000.000 đồng tiền nợ hui:

Xét trong quá trình quá trình giải quyết vụ án này, bà C thừa nhận vào năm 2019, bà C có tham gia chơi một dây hui tháng khui ngày 10/4/2019 do bà M làm chủ hui. Dây hui này gồm 16 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, bà C tham gia chơi một phần. Đến lần khui hui thứ bà thì bà C được hốt hui tổng cộng là 24.450.000 đồng. Tuy nhiên, theo trình bày của bà M thì khi hốt hui, bà C có đóng hui chết từ tháng 7/2019 đến tháng 11/2019, mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Đến tháng 12/2019, bà C đóng 500.000 đồng, còn thiếu lại 1.500.000 đồng; tháng 01/2020, bà C đóng 1.000.000 đồng, còn thiếu lại 1.000.000 đồng; tháng 02/2020, bà C đóng 500.000 đồng, còn thiếu lại 1.500.000 đồng; tháng 3/2020, bà C đóng 700.000 đồng, còn thiếu lại 1.300.000 đồng; tháng 4/2020, bà C đóng 300.000 đồng, còn thiếu lại 1.700.000 đồng; còn từ tháng 5/2020 đến tháng 7/2020, bà C không đóng tiền hui chết cho bà M. Bà M đã đóng choàng tổng cộng 13.000.000 đồng tiền hui chết cho bà M và dây hui này đã mãn nên bà M yêu cầu bà C trả số tiền 13.000.000 đồng. Còn bà C trình bày, sau khi hốt hui, bà C đã đóng đầy đủ tiền hui chết hàng tháng cho bà M nên bà C không đồng ý trả cho bà M 13.000.000 đồng tiền nợ hui chết.

Xét bà C trình bày sau khi hốt dây hui tháng khui ngày 10/4/2019 do bà M làm chủ hui, bà C đã đóng đầy đủ hui chết cho bà M nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Trong khi đó, một số hui viên tham gia chơi dây hui này gồm bà Nguyễn Thị Ngọc S, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn T1 trình bày mỗi lần khui hui có nghe bà M nói sau khi hốt hui, bà C không đóng đầy đủ tiền hui chết nên bà M phải đóng choàng cho bà C.

Theo quy định tại Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường (gọi chung là họ) thì về trách nhiệm của thành viên không góp phần họ như sau:

“... Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:

- 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên.*
- 2. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này...”*

Từ nhận định trên xét việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xử buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà M tổng cộng 13.000.000 đồng tiền nợ hui là có cơ sở và việc bà M không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền chậm góp hui là có lợi cho phía bà C. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bà C.

[4] Từ nhận định ở đoạn [3], Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do bà Trần Thị Nguyệt M, sinh năm 1952, tính đến nay đã hơn 60 tuổi nên là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, bà M được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, tạm ứng án phí phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nói trên.

Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt M được chấp nhận là: $05\% \times 13.000.000$ đồng = 650.000 đồng.

Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phùng; các Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyệt M về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc C trả tiền nợ hụi.

Buộc bà Lê Thị Ngọc C trả cho bà Trần Thị Nguyệt M 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) tiền nợ hụi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Ngọc C phải nộp 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Lê Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007681 ngày 05/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tuấn